

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

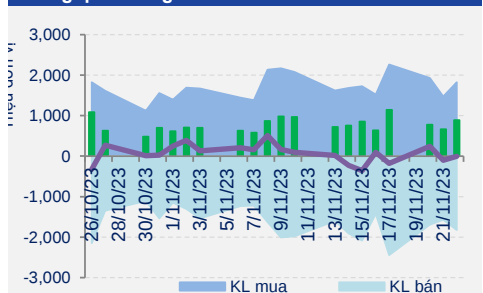
22/11/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

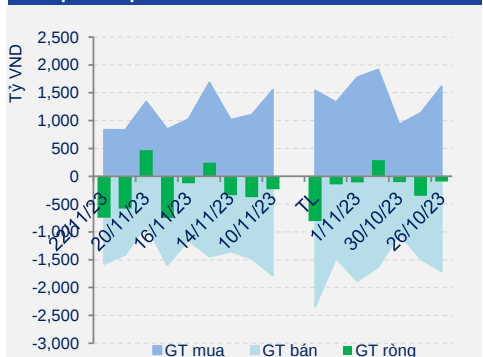
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,113.82	230.49
% Thay đổi	↑ 0.30%	↑ 0.30%
KLGD (CP)	889,256,281	104,429,539
GTGD (tỷ đồng)	20,223.09	2,042.33
Tổng cung (CP)	1,828,196,995	169,787,700
Tổng cầu (CP)	1,824,939,548	145,398,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	58,372,004	614,058
KL mua (CP)	27,261,259	323,285
GT mua (tỷ đồng)	835.93	8.91
GT bán (tỷ đồng)	1,580.21	15.38
GT ròng (tỷ đồng)	(744.28)	(6.47)

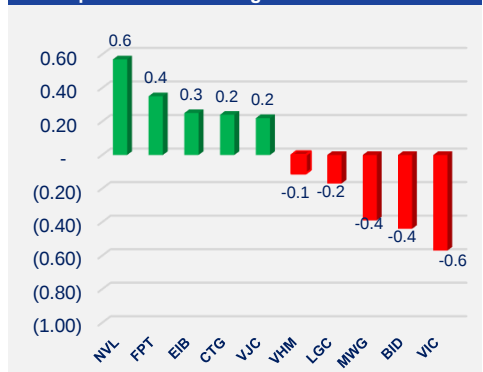
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX duy trì xu hướng hồi phục với tâm lý tích cực, đầu phiên tăng điểm lên vùng giá kháng cự quanh 1.115 điểm với thanh khoản cải thiện tốt, sau đó VN-INDEX chịu áp lực điều chỉnh, rung lắc gia tăng mạnh về kiểm tra lại vùng hỗ trợ 1.100 điểm dưới ảnh hưởng chủ yếu ở nhóm mã vốn hóa lớn. Lực cầu gia tăng tốt ở quanh vùng 1.100 điểm và VN-INDEX phục hồi với thanh khoản cải thiện mạnh. Kết phiên VN-INDEX tăng 3,36 điểm (+0,03%) lên mức 1.113,82 điểm với nỗ lực vượt lên lại đường giá trung bình MA200 sau 03 lần chưa thể vượt lên được tính từ tháng 10/2023 đến nay. HNX-INDEX tăng 0,69 điểm (+0,30%) lên 230,49 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết duy trì tích cực với 341 tăng giá (15 mã tăng trần), 285 mã giảm giá (076 mã giảm sàn) và 173 mã tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 22.258,71 tỷ đồng, tăng mạnh 17,56% so với phiên trước, vượt mức trung bình. Cho thấy dòng tiền ngắn hạn vẫn duy trì tích cực trong thị trường và cải thiện mạnh trong nhóm cổ phiếu bất động sản, chứng khoán. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch, tiếp tục bán ròng khá mạnh với giá trị 744,28 tỷ đồng trên HOSE, tập trung bán ròng đột biến ở cổ phiếu VPB; bán ròng trên HNX với giá trị 6,47 tỷ đồng.

Theo dự thảo Quyết định về cơ cấu giá bán lẻ điện do Bộ Công Thương soạn thảo, biểu giá bán lẻ điện sẽ được rút từ 6 bậc. Giá điện các bậc thang 1-5 được tính bằng 90-180% giá bán lẻ điện bình quân. Các hộ dùng điện nhiều, trên 711 kWh một tháng (khoảng 2% số hộ dùng điện toàn quốc) theo quy định này sẽ phải trả tăng tiền điện so với biểu giá hiện tại.

Nhóm cổ phiếu bất động sản có diễn biến nổi bật trong phiên hôm nay khi lực cầu gia tăng tốt từ đầu phiên, đã tăng duy trì đến cuối phiên với nhiều mã tăng giá hết biên độ, thanh khoản đột biến. Nổi bật nhất là NVL (+6,77%) trước thông tin Văn phòng Chính phủ có văn bản hỏa tốc gửi tới 3 Phó Thủ tướng về việc thực ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng đồng ý hợp Thưởng trực Chính phủ về 3 nội dung tại tỉnh Đồng Nai trong đó có tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong triển khai các dự án tại phân khu C4, thuộc xã Long Hưng và một phần phường Tam Phước, TP Biên Hòa (Đồng Nai) liên quan tới NVL và một số doanh nghiệp. Một số mã khác cùng ngành tăng tốt như SJS (+6,88%), HDC (+5,51%), DXG (+4,69%), NTL (+3,01%), DIG (+2,50%)..., ngoài VIC (-1,41%), QCG (-0,81%), VHM (-0,26%)...

Các cổ phiếu dịch vụ tài chính chứng khoán cũng có diễn biến nổi bật so với thị trường chung khi thanh khoản thị trường cải thiện, hầu hết tăng giá, khối lượng giao dịch tăng mạnh vượt mức trung bình với VCI (+3,69%), VDS (+3,23%), CTS (+2,90%), HCM (+2,71%), FTS (+2,57%)...

Các cổ phiếu xây dựng, vật liệu xây dựng, thép đa số tăng giá tích cực với thanh khoản cải thiện như HBC (+6,95%), CTI (+2,38%), PC1 (+2,24%)... HOM (+4,17%), NKG (+2,25%)...

Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng tiếp tục có diễn biến kém tích cực, phân hóa, đa số biến động nhẹ, thanh khoản suy giảm dưới mức trung bình với EIB (+2,96%), VIB (+0,79%), CTG (+0,68%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh như ABB (-1,25%), LPB (-0,96%), BID (-0,80%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2312 tăng 1 điểm (+0,09%), chênh lệch dương 2,20 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với phiên trước, trên mức trung bình. Cho thấy các vị thế đầu cơ trong phiên giảm và có thể dịch chuyển trở lại thị trường cơ sở. Các kỳ hạn VN30F2401, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -0,20 điểm đến -4,90 điểm, mức chênh lệch thu hẹp, thể hiện các trader đang khá lạc quan với xu hướng ngắn hạn của VN30 và có thể dịch chuyển trở lại thị trường cơ sở khi có nhiều cơ hội sinh lợi ngắn hạn tốt.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Thị trường tiếp tục xu hướng hồi phục ổn định sau 2 lần liên tiếp test hỗ trợ 1.100 điểm thành công, chốt phiên VnIndex tăng +3,36 điểm (+0,30%) và đóng cửa ở 1.113,82 điểm. Trong ngắn hạn thị trường đang trong giai đoạn hồi phục kỹ thuật tích cực và chúng tôi cho rằng nhịp tăng sẽ còn tiếp diễn trước khi thị trường đi vào vận động swing với biên độ hẹp dần.

Xu hướng trung hạn thị trường vẫn đang duy trì cần vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại sau giai đoạn giảm sâu, thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài. Vn-Index khả năng sẽ vận động kéo dài trong khu vực 1.100 điểm - 1.150 điểm để hình thành nền tích lũy trung hạn.

Thị trường đang tiếp tục đà hồi phục kỹ thuật tích cực và ngưỡng hỗ trợ 1.100 điểm đang cho thấy độ tin cậy cao, nhưng vẫn có rủi ro giảm điểm do vậy nhà đầu tư ngắn hạn cần duy trì tâm lý thận trọng. Nhà đầu tư trung dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục và chờ cơ hội giải ngân thêm khi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

22/11/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
PVS	38.40	34-35	39	33	20.8	19.2%	-26.6%	Theo dõi chờ giải ngân
BFC	23.05	19.5-21	26-27	18	10.3	18.5%	1227.6%	Theo dõi chờ giải ngân
VGC	53.30	49-51	60-62	48	17.3	8.1%	86.6%	Theo dõi chờ giải ngân
LSS	11.65	10.5-11.5	15-16	9.5	22.3	55.1%	116.4%	Theo dõi chờ giải ngân
PVD	27.70	26.5-27.5	30-31	25	35.5	11.2%	546.3%	Theo dõi chờ giải ngân
PVP	13.80	13-14	17.5-18.5	12	7.6	75.4%	-68.3%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/2023	DPR	30.4	25.9	35-37	30	17.2%	Nắm giữ
1/11/2023	KBC	32.4	25.8	34-36	30	25.6%	Nắm giữ
1/11/2023	BVS	26.0	22.3	28-28.5	25	16.6%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	23.9	18.6	26-27	22	28.5%	Nắm giữ
2/11/2023	CTD	66.0	52	65-67	61	26.9%	Nắm giữ
2/11/2023	PLC	30.7	26.8	32-33	29	14.6%	Nắm giữ
8/11/2023	PVT	25.6	24.45	30-31	24	4.7%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	47.2	45.1	52-53	46	4.5%	Nắm giữ
22/11/2023	LSS	11.7	11.4	15-16	10	2.2%	Giải ngân giá 11.4

**TIN VĨ MÔ****Chưa thông qua Luật Đất đai (sửa đổi) tại Kỳ họp thứ 6**

Với 453/459 đại biểu tham gia biểu quyết tán thành, ngày 22/11/2023, Quốc hội đã thông qua việc điều chỉnh chương trình Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV... Trình bày tờ trình về việc điều chỉnh chương trình kỳ họp, Tổng Thư ký Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội Bùi Văn Cường cho biết sau khi thống nhất với Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo Quốc hội cho phép điều chỉnh thời gian thông qua dự án Luật Đất đai (sửa đổi) từ kỳ họp này sang kỳ họp gần nhất của Quốc hội để tiếp tục nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý, rà soát kỹ lưỡng và hoàn thiện dự thảo Luật, bảo đảm chất lượng tốt nhất trước khi trình Quốc hội thông qua.

Giá bán lẻ điện sinh hoạt dự kiến cao nhất hơn 3.600 đồng một kWh

Biểu giá bán lẻ điện dự kiến còn 5 bậc thay vì 6 như hiện hành và giá ở bậc cao nhất (701 kWh trở lên) là hơn 3.612 đồng một kWh, chưa gồm thuế VAT. Theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng về cơ cấu giá bán lẻ điện vừa được Bộ Công Thương gửi Bộ Tư pháp thẩm định, cách tính tiền điện sinh hoạt được rút xuống còn 5 bậc. Bậc rẻ nhất tính cho hộ gia đình dùng dưới 100 kWh thay vì 50 kWh hiện nay, còn bậc cao nhất từ 701 kWh trở lên. Giá điện các bậc thang 1-5 được tính bằng 90-180% giá bán lẻ điện bình quân 2.006,79 đồng một kWh (mức điều chỉnh từ ngày 9/11). Như vậy, giá thấp nhất (bậc 1) khoảng 1.806 đồng một kWh và cao nhất (bậc 5) là 3.612 đồng một kWh. Các mức giá này chưa bao gồm thuế VAT.

Bộ Tài chính không ủng hộ kiến nghị ưu đãi thuế của doanh nghiệp sản xuất ô tô

Bộ Tài chính không ủng hộ kiến nghị giảm sản lượng ô tô để hưởng ưu đãi thuế trong bối cảnh hiện nay. Đồng thời, với các phụ tùng, linh kiện trong nước đã sản xuất được cũng không áp dụng mức thuế suất nhập khẩu 0%, nhằm bảo vệ sản xuất trong nước... Bộ Tài chính vừa có tờ trình gửi Chính phủ về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2023/NĐ-CP của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

Giá vàng tăng dữ dội vì nhà đầu tư tin lãi suất Fed đã đạt đỉnh

Trong nước sáng nay (22/11), giá vàng miếng tiếp tục tăng trên ngưỡng 71 triệu đồng/lượng, chênh lệch gần 13 triệu đồng/lượng so với giá vàng quốc tế quy đổi. Theo biên bản cuộc họp đầu tháng 11, giới chức Fed nhất trí rằng việc tăng lãi suất thêm sẽ chỉ cần thiết nếu tiến trình giảm lạm phát trong thời gian tới chậm lại... Giá vàng thế giới tăng mạnh, có thời điểm vượt mốc 2.000 USD/oz, trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (21/11), khi giới đầu tư tin rằng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã tăng lãi suất đến mức cực đại trong chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ này.

TIN DOANH NGHIỆP
Ngành thép quý 3: Các ông lớn tiếp đà hồi phục

Bức tranh ngành thép đã có nhiều điểm sáng hơn, nhưng nhìn chung vẫn chưa quá khả quan khi nhiều công ty tiếp tục lỗ hàng trăm tỷ. Trong quý 3/2023, ngành thép dù đã qua giai đoạn tệ nhất, nhưng sự hồi phục vẫn chưa rõ rệt. Lượng tiêu thụ thép trong nước vẫn yếu khi thị trường bất động sản đóng băng, giải ngân đầu tư công không đạt kế hoạch và thu nhập của người dân giảm sút. Tuy ngành thép còn chưa phục hồi rõ ràng, một số ông lớn đã bắt đầu ghi nhận kết quả tích cực.

Gỗ An Cường sắp chi gần 106 tỷ đồng tạm ứng cổ tức

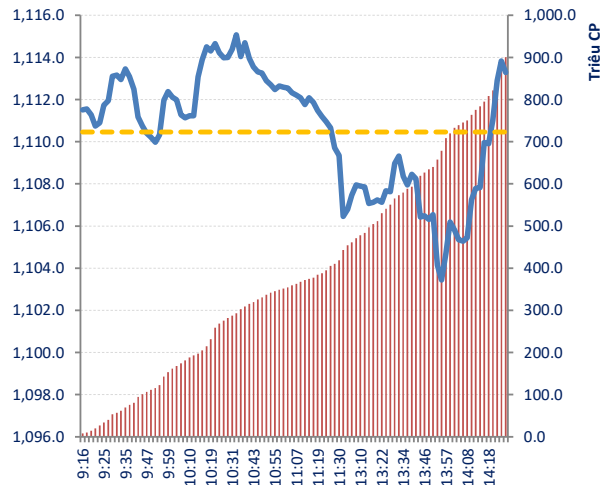
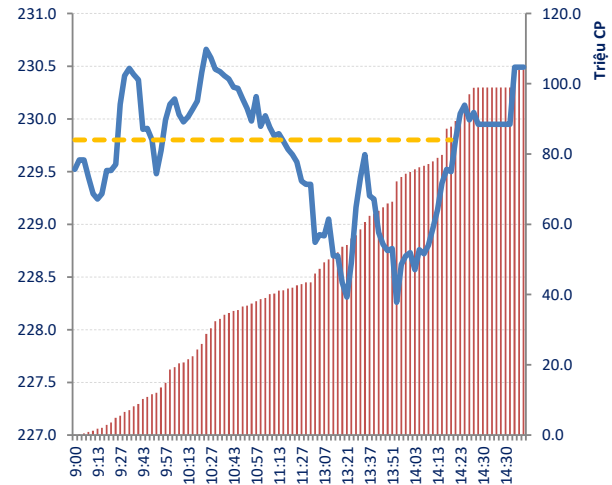
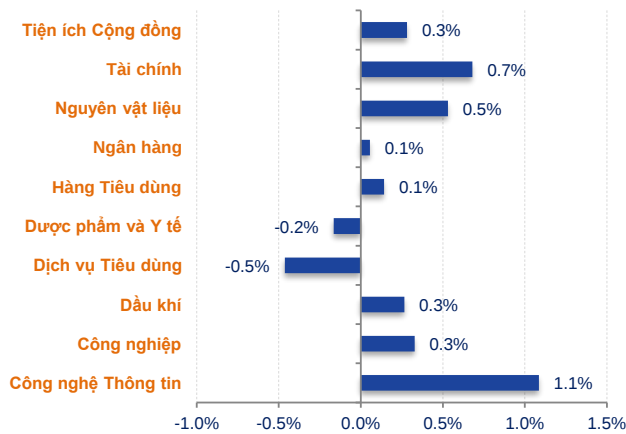
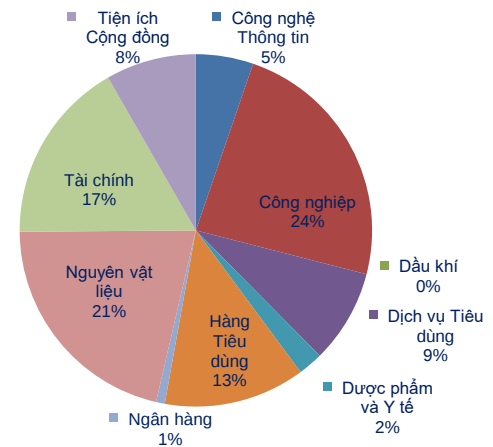
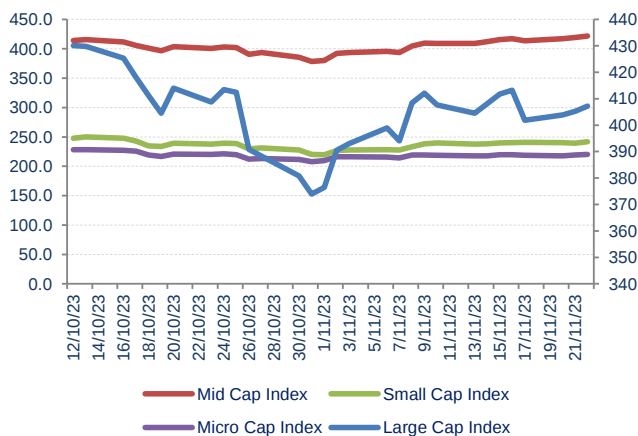
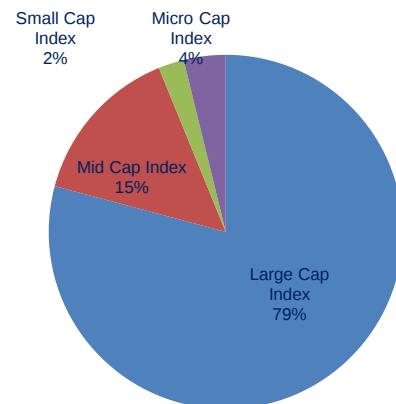
CTCP Gỗ An Cường (HOSE: ACG) sẽ chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền vào ngày 04/12 tới. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 01/12. Tỷ lệ cổ tức là 7% (1 cp được nhận 700 đồng). Với gần 151 triệu cp đang lưu hành, ước tính ACG cần chi gần 106 tỷ đồng để trả cổ tức đợt này. Ngày thanh toán dự kiến vào 21/12/2023. Nguồn vốn thực hiện được trích từ thặng dư vốn và/hoặc lợi nhuận chưa phân phối trên BCTC hợp nhất năm gần nhất đã được kiểm toán.

Chiều nay, Chính phủ họp tháo gỡ khó khăn cho đại dự án của Aqua City của Novaland và hàng loạt dự án khác

Trong 3 vấn đề mà Thường trực Chính phủ họp vào chiều 22/11 có nội dung liên quan tới việc tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong triển khai các dự án tại phân khu C4, thuộc xã Long Hưng và một phần phường Tam Phước, TP Biên Hòa (Đồng Nai) liên quan tới Novaland và một số doanh nghiệp. Văn phòng Chính phủ vừa có văn bản hỏa tốc gửi tới 3 Phó Thủ tướng về việc thực ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đến dự họp Thường trực Chính phủ về 3 nội dung tại tỉnh Đồng Nai. Cụ thể, thứ nhất, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong triển khai các dự án tại phân khu C4, thuộc xã Long Hưng và một phần phường Tam Phước, TP Biên Hòa (Đồng Nai) liên quan tới CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland; mã chứng khoán: NVL) và một số doanh nghiệp.

Tháng 10, TNG lãi sau thuế 18 tỷ đồng

CTCP Đầu tư và Thương mại TNG (HNX: TNG) vừa công bố BCTC riêng tháng 10/2023, lãi sau thuế đạt 18 tỷ đồng. Doanh thu thuần tháng 10 của TNG đi ngang 568 tỷ đồng so với cùng kỳ. Song, giá vốn hàng bán giảm 3%, lùi về 468 tỷ đồng; nên lãi gộp Công ty tăng 14%, đạt 100 tỷ đồng. Hoạt động xuất khẩu giữ tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu chiếm 98%, nội địa 2%. Các thị trường xuất khẩu chủ lực của TNG gồm Hoa Kỳ (chiếm 47%), Pháp (15%), Canada (8%), Nga (7%), Tây Ban Nha (6%)... Các khách hàng lớn nhất của TNG hiện nay là Decathlon, Nike, ANF, Adidas, Tomtailor.

KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa


Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	3,574,700	VPB	23,122,730	1	MBG	58,000	HUT	152,800
2	NKG	1,566,984	POW	2,088,800	2	EVS	20,000	SHS	101,400
3	PVT	472,800	VRE	1,950,120	3	IDC	18,000	MAC	52,900
4	EVF	401,900	VHM	1,877,118	4	MBS	16,600	PVS	44,500
5	PVD	317,486	MWG	1,465,000	5	VIG	16,000	BCC	21,996

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVL	16.10	17.35	↑ 7.76%	67,956,600	SHS	18.00	18.40	↑ 2.22%	34,482,745
GEX	21.60	23.15	↑ 7.18%	43,215,800	CEO	23.10	23.40	↑ 1.30%	20,220,451
VIX	16.20	17.20	↑ 6.17%	42,817,700	MBS	21.60	22.00	↑ 1.85%	5,870,923
VPB	19.30	19.65	↑ 1.81%	38,807,213	HUT	21.00	21.10	↑ 0.48%	4,485,878
DXG	19.80	21.20	↑ 7.07%	38,019,000	PVS	38.50	38.40	↓ -0.26%	4,041,347

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CLW	34.00	41.10	7.10	↑ 20.88%	VLA	18.00	19.80	1.80	↑ 10.00%
HBC	7.10	8.31	1.21	↑ 17.04%	NAP	8.20	9.00	0.80	↑ 9.76%
MDG	12.35	13.90	1.55	↑ 12.55%	HCT	9.40	10.30	0.90	↑ 9.57%
HU1	6.30	7.00	0.70	↑ 11.11%	BST	13.60	14.90	1.30	↑ 9.56%
SZC	39.40	43.45	4.05	↑ 10.28%	THB	9.80	10.70	0.90	↑ 9.18%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PC1	29.25	26.85	-2.40	↓ -8.21%	ATS	11.20	10.10	-1.10	↓ -9.82%
ADG	24.95	23.15	-1.80	↓ -7.21%	SJ1	16.90	15.30	-1.60	↓ -9.47%
BTT	31.10	29.00	-2.10	↓ -6.75%	TJC	13.90	12.60	-1.30	↓ -9.35%
SCD	16.30	15.20	-1.10	↓ -6.75%	KTT	3.40	3.10	-0.30	↓ -8.82%
TMS	43.95	41.00	-2.95	↓ -6.71%	L43	4.70	4.30	-0.40	↓ -8.51%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	67,956,600	-1.4%	(309)	-	0.7
GEX	43,215,800	2.0%	511	43.6	0.9
VIX	42,817,700	8.2%	1,005	16.9	1.3
VPB	38,807,213	9.7%	1,508	13.0	1.1
DXG	38,019,000	-2.0%	(456)	-	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	34,482,745	5.4%	643	28.0	1.4
CEO	20,220,451	6.7%	955	24.2	1.9
MBS	5,870,923	10.4%	1,104	19.6	1.9
HUT	4,485,878	0.8%	122	172.5	1.7
PVS	4,041,347	6.7%	1,846	20.9	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CLW	↑ 20.9%	22.0%	4,328	8.9	1.9
HBC	↑ 17.0%	-146.3%	(7,611)	-	6.0
MDG	↑ 12.6%	8.2%	1,338	10.4	0.9
HU1	↑ 11.1%	0.9%	144	46.4	0.4
SZC	↑ 10.3%	12.5%	1,670	25.5	3.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VLA	↑ 10.0%	4.0%	421	42.7	1.6
NAP	↑ 9.8%	8.5%	942	8.7	0.7
HCT	↑ 9.6%	-0.5%	(101)	-	0.5
BST	↑ 9.6%	14.2%	1,895	7.2	1.0
THB	↑ 9.2%	2.3%	298	32.9	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	3,574,700	17.5%	3,825	7.7	1.3
NKG	1,566,984	-4.8%	(975)	-	1.1
PVT	472,800	11.4%	2,926	8.7	1.0
EVF	401,900	9.0%	1,067	14.9	1.3
PVD	317,486	3.0%	779	35.7	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBG	58,000	2.6%	283	15.2	0.4
EVS	20,000	5.9%	688	13.2	0.8
IDC	18,000	17.0%	3,177	15.9	3.0
MBS	16,600	10.4%	1,104	19.6	1.9
VIG	16,000	6.8%	501	15.6	1.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	484,015	22.6%	6,013	14.4	3.0
BID	222,322	17.6%	3,887	11.3	1.9
GAS	181,442	19.0%	5,283	15.0	2.9
VHM	170,256	25.0%	9,468	4.1	0.9
VIC	162,474	2.7%	977	43.6	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	18,743	0.8%	122	172.5	1.7
PVS	18,402	6.7%	1,846	20.9	1.4
IDC	16,665	17.0%	3,177	15.9	3.0
SHS	14,637	5.4%	643	28.0	1.4
THD	13,898	2.9%	460	78.5	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	2.80	-0.2%	(32)	-	0.8
CTS	2.71	7.9%	1,020	27.0	2.0
VIX	2.64	8.2%	1,005	16.9	1.3
GEX	2.62	2.0%	511	43.6	0.9
FTS	2.58	14.4%	2,301	18.6	2.5

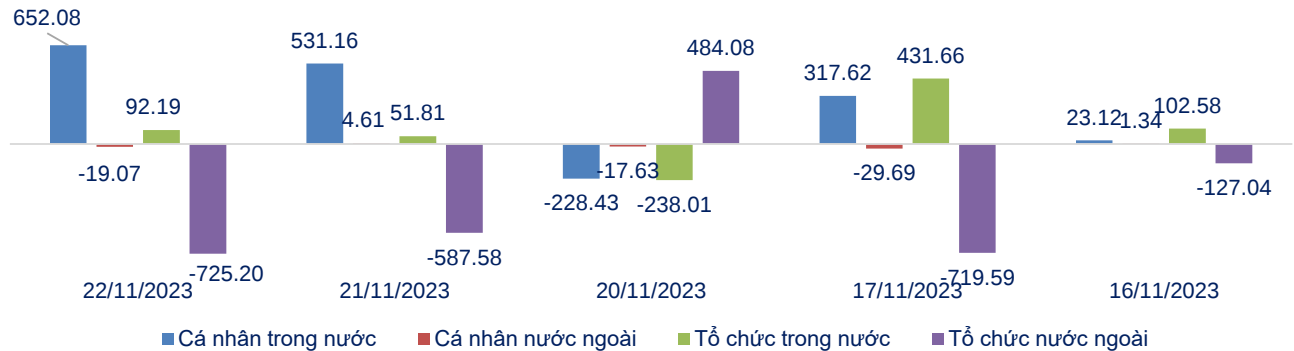
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.91	6.2%	655	26.1	1.6
SHS	2.42	5.4%	643	28.0	1.4
IVS	2.38	3.4%	362	27.4	0.9
VIG	2.34	6.8%	501	15.6	1.1
HUT	2.17	0.8%	122	172.5	1.7



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	492.60	9.7%	1,508	13.0	1.1
VHM	65.94	25.0%	9,468	4.1	0.9
MWG	50.76	3.0%	476	85.9	2.6
VRE	40.69	11.8%	1,818	12.4	1.4
VIC	38.18	2.7%	977	43.6	1.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EVF	-77.80	9.0%	1,067	14.9	1.3
SSI	-34.34	8.9%	1,346	24.2	2.1
NKG	-31.57	-4.8%	(975)	-	1.1
DCM	-19.00	15.3%	3,050	10.5	1.8
DGC	-17.81	29.7%	9,010	10.5	2.9

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	15.03	22.4%	4,290	4.2	1.0
VIX	4.89	8.2%	1,005	16.9	1.3
PNJ	4.34	19.8%	5,505	14.7	2.8
DXG	2.00	-2.0%	(456)	-	0.9
MWG	1.63	3.0%	476	85.9	2.6

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-18.92	8.9%	1,346	24.2	2.1
AST	-4.86	20.5%	2,316	21.7	4.0
NVL	-4.72	-1.4%	(309)	-	0.7
KDH	-2.90	5.9%	979	32.7	1.7
VIC	-2.59	2.7%	977	43.6	1.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EVF	71.27	9.0%	1,067	14.9	1.3
FUEVFNVD	28.03	N/A	N/A	N/A	N/A
NVL	26.34	-1.4%	(309)	-	0.7
SSI	25.73	8.9%	1,346	24.2	2.1
DCM	23.42	15.3%	3,050	10.5	1.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-124.27	17.5%	3,825	7.7	1.3
MSB	-34.57	17.2%	2,471	5.3	0.9
HSG	-25.70	0.2%	37	590.0	1.3
VCI	-14.17	5.7%	911	46.1	2.5
TDP	-9.27	4.6%	509	60.8	2.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	104.14	17.5%	3,825	7.7	1.3
NKG	34.89	-4.8%	(975)	-	1.1
SSI	27.53	8.9%	1,346	24.2	2.1
PVT	11.90	11.4%	2,926	8.7	1.0
PVD	9.30	3.0%	779	35.7	1.0

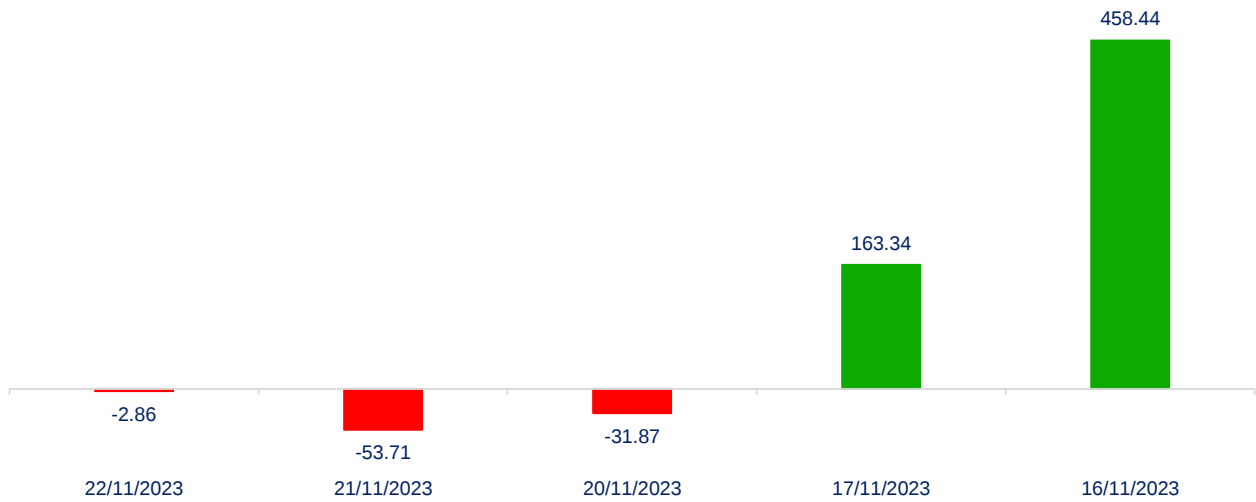
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-484.79	9.7%	1,508	13.0	1.1
VHM	-73.34	25.0%	9,468	4.1	0.9
MWG	-60.04	3.0%	476	85.9	2.6
VRE	-44.17	11.8%	1,818	12.4	1.4
VIC	-40.72	2.7%	977	43.6	1.1

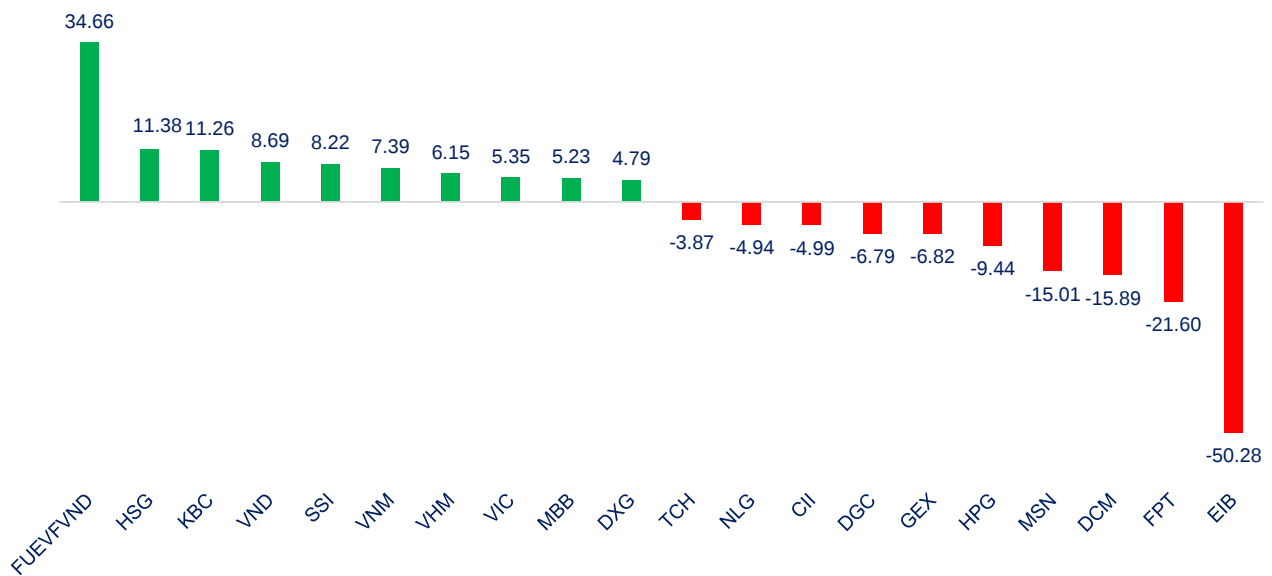


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn